

Số: /QĐ-UBND

Nghi Thái, ngày tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã khi thanh toán trực tiếp và thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHĨ THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2021;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92 /2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư quy định về mức phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/06/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng – thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này Danh mục 31 thủ tục hành chính cấp xã có phát sinh phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã khi thanh toán trực tiếp và thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 425QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã Nghi Thái

Điều 3. Văn phòng UBND xã, các ban, ngành UBND xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- VP HĐND-UBND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Công Thông tin Điện tử xã ;
- Bộ phận TN&TKQ xã ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lục

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨ THÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC HÀNH CHÍNH CÓ THU PHÍ, LỆ PHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 tháng 07 năm 2024 về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã khi thanh toán trực tiếp và thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	LỆ PHÍ/ PHÍ THANH TOÁN TRỰC TIẾP	LỆ PHÍ/PHÍ ĐƯỢC GIẢM	
(1)	(2)	(3)	(4)	
A	THỰC HIỆN TẠI UBND XÃ (31 THỦ TỤC)			
A1	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (23 THỦ TỤC)			
I.	Lĩnh vực Hộ tịch (13 thủ tục có thu lệ phí)			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An - Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) trên địa bàn tỉnh Nghệ An; 			
1.	1.	Thủ tục đăng ký khai sinh	10.000/khai sinh quá hạn	6.000
2.	2.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	20.000	12.000
3.	3.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	20.000 +10.000/khai sinh quá hạn	18.000
4.	4.	Thủ tục đăng ký khai tử	10.000/khai tử quá hạn	6.000

TT		Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	LỆ PHÍ/ PHÍ THANH TOÁN TRỰC TIẾP	LỆ PHÍ/PHÍ ĐƯỢC GIẢM
5.	5.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	10.000/khai sinh quá hạn	6.000
6.	6.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	10.000/khai tử quá hạn	6.000
7.	7.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	10.000	6.000
8.	8.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000	9.000
9.	9.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	10.000	6.000
10.	10.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	10.000	6.000
11.	11.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	20.000	12.000
12.	12.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	10.000	6.000
13.	13.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	8000/bản sao	
	II.	Lĩnh vực Chứng thực (10 thủ tục có thu phí)		
		<i>Thông tư 226/2016/TT-BTC ngày 11/1/2023 của Bộ tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.</i>		
14.	1.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	
15.	2.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	LỆ PHÍ/ PHÍ THANH TOÁN TRỰC TIẾP	LỆ PHÍ/PHÍ ĐƯỢC GIẢM
	quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		
16.	3. Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điếm chỉ được)	10.000	
17.	4. Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000	
18.	5. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	25.000	
19.	6. Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	
20.	7. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	50.000	
21.	8. Thủ tục chứng thực di chúc	50.000	
22.	9. Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	50.000	
	III Nuôi con nuôi (01 thủ tục)		
	<i>Luật nuôi con nuôi Luật số: 52/2010/QH12</i>		
23.	1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	400.000	
	IV LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (08 THỦ TỤC CÓ LỆ PHÍ)		
	<i>Quyết định số: 198/2016/TT-BTC ngày 18/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt</i>		

TT		Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	LỆ PHÍ/ PHÍ THANH TOÁN TRỰC TIẾP	LỆ PHÍ/PHÍ ĐƯỢC GIẢM
24.	1.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (cấp xã)	70.000	
25.	2.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (cấp xã)	70.000	
26.	3.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (cấp xã)	70.000	
27.	4.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	70.000	
28.	5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	70.000	
29.	6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (cấp xã)	70.000	
30.	7.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	70.000	
31.	8.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (cấp xã)	70.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHI THÁI